

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 75/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24/7/2023
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Luân

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Mến

Bà Trần Thị Kim Đồng

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn không tham gia phiên tòa.

Ngày 24 tháng 7 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 128/2023/TLST – HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023, về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 89/2023/QĐXXST – HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông **Nguyễn Thanh T**, sinh năm 1985. Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

- **Bị đơn:** Bà **Đoàn Thị N**, sinh năm 1989. Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**Theo đơn khởi kiện ngày 22/5/2023 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Nguyễn Thanh T trình bày và yêu cầu:*

Về quan hệ hôn nhân: Giữa tôi và bà Đoàn Thị N xây dựng hôn nhân vào năm 2009, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Sau khi kết hôn, chúng tôi sống và làm việc tại Thành phố Hồ Chí Minh, sau này về sống tại ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau này phát sinh nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, sống không hợp

nhau. Hiện nay vợ chồng đã sống ly thân khoảng 04 năm nay. Nay tôi khởi kiện yêu cầu được ly hôn với bà Đoàn Thị N.

Về con chung: Chúng tôi có 02 con chung gồm Nguyễn Đoàn Kim N sinh ngày 01/4/2009 hiện đang sống cùng tôi và Nguyễn Đức H sinh ngày 15/3/2015 đang sống cùng bà Đoàn Thị N. Nay tôi yêu cầu được nuôi 02 chung, không yêu cầu bà Đoàn Thị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đến ngày 05/7/2023 ông Nguyễn Thanh T có đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện về con chung: ông T yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Đoàn Kim N sinh ngày 01/4/2009, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con và ông T đồng ý giao con chung tên Nguyễn Đức H sinh ngày 15/3/2015 cho bà N nuôi dưỡng, ông T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

**Tại bản tự khai đề ngày 04/7/2023, bà Đoàn Thị N trình bày:* Tôi thống nhất với ý kiến của ông Nguyễn Thanh T về thời gian tổ chức lễ cưới, địa điểm đăng ký kết hôn, nơi sinh sống của vợ chồng sau khi kết hôn. Tôi thừa nhận vợ chồng sống không hạnh phúc, do chúng tôi không cùng quan điểm sống, tính tình không hòa hợp, thường xuyên xảy ra tranh chấp, tình cảm vợ chồng không còn.

Về quan hệ hôn nhân: Tôi đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông Nguyễn Thanh T.

Về con chung: Tôi và ông T có 02 con chung tên Nguyễn Đoàn Kim Nn sinh ngày 01/4/2009 hiện đang sống cùng ông T tại tỉnh Vĩnh Long và Nguyễn Đức H sinh ngày 15/3/2015 đang sống cùng tôi tại tỉnh Bình Dương. Tôi yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông T được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Đoàn Kim N, tôi được quyền nuôi con chung tên Nguyễn Đức H, tôi và ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền, quan hệ tranh chấp: Ông Nguyễn Thanh T khởi kiện yêu cầu được ly hôn, tranh chấp nuôi con chung với bà Đoàn Thị N; bị đơn Đoàn Thị N có nơi cư trú tại ấp L, xã L, huyện T, tỉnh Vĩnh Long. Do đó, đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Ông Nguyễn Thanh T và bà Đoàn Thị N đều có yêu cầu được vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án. Căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa xét xử vắng mặt ông T và bà N.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Thanh T và bà Đoàn Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện T tỉnh Vĩnh Long vào ngày 23/7/2009 nên hôn nhân giữa ông T và bà N là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay ông T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà N, bà N đồng ý ly hôn theo yêu cầu của ông T.

Căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông Tuyền: Xử cho ông Nguyễn Thanh T được ly hôn với bà Đoàn Thị N.

[2.2] Về con chung: Trong thời gian sống chung, ông Nguyễn Thanh T và bà Đoàn Thị N có 02 con chung là Nguyễn Đoàn Kim N sinh ngày 01/4/2009 đang sống cùng ông T và Nguyễn Đức H sinh ngày 15/3/2015 đang sống bà N. Ông T yêu cầu được nuôi con chung tên Nguyễn Đoàn Kim N, không yêu cầu bà N cấp dưỡng nuôi con. Ông T đồng ý giao con chung tên Nguyễn Đức H cho bà N nuôi dưỡng, ông T không đồng ý cấp dưỡng nuôi con. Xét, yêu cầu về nuôi con của ông T được bà N đồng ý và phù hợp với nguyện vọng của các con.

Căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của Tuyền về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Đoàn Kim N, sinh ngày 01/4/2009 cho ông Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng; giao con chung tên Nguyễn Đức H, sinh ngày 15/3/2015 cho bà Đoàn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Thanh T và bà Đoàn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh T phải nộp án phí ly hôn theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy

ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Thanh T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Thanh T được ly hôn với bà Đoàn Thị N.

1.2. Về con chung:

- Giao con chung tên Nguyễn Đoàn Kim N, sinh ngày 01/4/2009 cho ông Nguyễn Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng.

- Giao con chung tên Nguyễn Đức H, sinh ngày 15/3/2015 cho bà Đoàn Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông Nguyễn Thanh T và bà Đoàn Thị N không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

1.3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Thanh T phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền án phí ly hôn và được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0004129 ngày 22/5/2023 tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn. Ông Nguyễn Thanh T đã nộp đủ.

3. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Án xử công khai sơ thẩm, Tòa án báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng những đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 này kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ tại nơi cư trú theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
 - VKSND huyện Trà Ôn;
 - Chi Cục THADS huyện Trà Ôn;
 - UBND xã L, huyện T
- (Giấy CNKH số 91, ngày 23/7/2009)
- Các đương sự;
 - Lưu HS; VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

NGUYỄN THÀNH LUÂN